Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8487.10.00

Mã HS	8487.10.00
Mô tả hàng hóa	Phụ tùng máy móc, không bao gồm đầu nối điện, màng ngăn, cuộn, công tắc điện hoặc các phụ tùng điện khác, không được ghi hoặc chi tiết ở nơi khác trong Chương này / - Chân vịt của tàu hoặc thuyền và cánh của chân vịt
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 06:30:15
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84871000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14757
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14757
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14757
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14115
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14056
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14056
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14056
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14056
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14056
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14056
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14110
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14110

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14110
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14110
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14110
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14110
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14111
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14111
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14111
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14111
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14111
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14111
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14114
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14062
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14070
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14070
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14070
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14070
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14070
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14070
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14101
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14101
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14101
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14101
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14101
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14101
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14156
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14156

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14156
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14156
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14156
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14156
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14133
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14133
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14133
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14133
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14133
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14133
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14133
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14133
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14133
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14133
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14133
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14133
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14148
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14148
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14148
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14148
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14148
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14148
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14147
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14147
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14147
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14147

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14147
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14147
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14140
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14140
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14140
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14140
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14140
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14140
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14140
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14135
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14135
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14135
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14135
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14135
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14135
RCEP B	2022	2022	0	B!D14135
RCEP B	2023	2023	0	B!E14135
RCEP B	2024	2024	0	B!F14135
RCEP B	2025	2025	0	B!G14135
RCEP B	2026	2026	0	B!H14135
RCEP B	2027	2027	0	B!I14135
RCEP C	2022	2022	0	C!D14135
RCEP C	2023	2023	0	C!E14135
RCEP C	2024	2024	0	C!F14135
RCEP C	2025	2025	0	C!G14135
RCEP C	2026	2026	0	C!H14135

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I14135
RCEP D	2022	2022	0	D!D14134
RCEP D	2023	2023	0	D!E14134
RCEP D	2024	2024	0	D!F14134
RCEP D	2025	2025	0	D!G14134
RCEP D	2026	2026	0	D!H14134
RCEP D	2027	2027	0	D!I14134
RCEP E	2022	2022	0	E!D14138
RCEP E	2023	2023	0	E!E14138
RCEP E	2024	2024	0	E!F14138
RCEP E	2025	2025	0	E!G14138
RCEP E	2026	2026	0	E!H14138
RCEP E	2027	2027	0	E!I14138
RCEP F	2022	2022	0	F!D14135
RCEP F	2023	2023	0	F!E14135
RCEP F	2024	2024	0	F!F14135
RCEP F	2025	2025	0	F!G14135
RCEP F	2026	2026	0	F!H14135
RCEP F	2027	2027	0	F!I14135
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13136
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13136
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13136
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13136

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8487.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8487.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14757), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.